

Bản án số: 60/2021/HSST.
Ngày: 20 – 4 - 2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Dương Xuân Đính.

2/ Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Luân- Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 60/2021/HSST ngày 08/4/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn L**, sinh năm 1998 tại ĐA, Hà Nội. Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn XN, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn L1 và bà Nguyễn Thị Q; TATS: Theo Danh, chỉ bản 463 của Công an huyện Đông Anh lập ngày 28/8/2020 và Trích lục tiền án, tiền sự số 2815436/PV06 ngày 17/9/2020 thể hiện bị cáo không có tiền sự, tiền án; Nhân thân: Không có các tiền sự, tiền án đã được xóa.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2020 đến ngày 03/9/2020. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

- 2. Họ và tên: **Hoàng Văn H**, sinh năm 1992 tại ĐA, Hà Nội. Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn XN, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn Đ và bà Lê Thị L2; TATS: Theo Danh, chỉ bản 538 của Công an huyện Đông Anh lập ngày 19/10/2020

và Trích lục tiền án, tiền sự số 2874174/PV06 ngày 26/10/2020 thể hiện bị cáo không có tiền sự, có 01 tiền án: Ngày 16/5/2019, Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 112/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/8/2019. Án tích chưa được xóa.; Nhân thân: Không có tiền sự, có 01 tiền án đã được xóa: Ngày 21/01/2016, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 01/HSST). Kết quả xác minh thi hành án ngày 17/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Hà Nội xác định đã chấp hành xong các Quyết định khác của Bản án ngày 28/3/2016.

Bị cáo áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Ngô Văn K, sinh năm 1959. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Lê Thị S, sinh năm 1966. Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ 4, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3. Anh Lê Văn L, sinh năm 1989 (bị cáo Lê Văn L). Cáo mặt tại phiên tòa.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn XN, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: xã YSơn, huyện TĐ, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở: Tổ xx, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn NT, xã CL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Hoàng Văn X, sinh năm 1994; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn XN, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Tô Hoàng G, sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn XN, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn L là đối tượng không có việc làm ổn định, ham chơi điện tử. L đã nhiều lần đến chơi điện tử tại quán Internet tại tổ x, thị trấn ĐA, ĐA, Hà Nội của bà Lê Thị S, sinh năm: 1966; trú tại: Tổ x, thị trấn ĐA, ĐA, Hà Nội. Khi đến chơi điện

tử, L quan sát thấy bà S thường cất tiền trong ngăn bàn tại quầy thanh toán nơi đặt máy tính chủ và ngăn tủ thứ 3 sau quầy thanh toán, sau đó khóa tủ, để chìa khóa trong ngăn bàn quầy thanh toán đặt máy chủ không có khóa, nên nảy sinh ý định trộm cắp tiền để trả nợ và tiêu sài cá nhân.

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 30/7/2020, sau khi chơi game xong, L trốn ở sau phòng gần khu vệ sinh trong nhà bà S để trộm cắp tài sản nhưng bị ông Ngô Văn K, sinh năm: 1959, chồng bà S, phát hiện nên bỏ chạy ra ngoài. Đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày, L quay lại phía sau nhà bà S để trộm cắp tài sản. Đến nơi, L bám vào đường ống nước leo lên mái nhà tầng 1 Điện máy xanh sát nhà bà S rồi tiếp cận phía sau tầng 2 nhà bà S. L tiếp tục leo lên ô thoáng tầng 2 và chui qua ô thoáng rào chắn ban công tầng 3 đột nhập vào trong nhà bà S, sau đó đi theo lối cầu thang xuống tầng 1. Do phát hiện có mắt camera gắn ở trên gờ cửa tầng 1 nên L lấy chiếc áo chống nắng của bà S vắt trên thành cầu thang tầng 1 chum lên đầu để tránh bị phát hiện. Tại phòng game tầng 1, L mở ngăn bàn của quầy thanh toán, lục soát rồi lấy số tiền 380.000 đồng cất giấu trong túi quần. Tiếp đó, L lấy chìa khóa tủ trong ngăn bàn mở ngăn tủ thứ 3 sau quầy thanh toán, lục soát và phát hiện một túi vải lưới. L kiểm tra bên trong thì thấy có tiền với nhiều mệnh giá khác nhau. L cầm theo chiếc túi vải, bỏ lại áo chống nắng rồi tẩu thoát theo lối đột nhập ban đầu.

Sau khi trộm cắp được tài sản, L về nhà và đếm được tổng cộng số tiền trộm cắp được của bà S là: 23.380.000 đồng. Sáng ngày 31/7/2020, L đến gặp và trả cho anh Trần Văn T, sinh năm: 1989; hộ khẩu thường trú: YS, TĐ, NB; chỗ ở: Tổ xx thị trấn ĐA, ĐA, số tiền 6.500.000 đồng rồi lấy chiếc xe máy nhãn hiệu Wave RSX, biển kiểm soát: 29F1-183.xx của L do trước đó L có vay anh T tiền và để lại xe để làm tin. Sau đó, L tiếp tục đến trả anh Hoàng Văn N, sinh năm: 1980; trú tại: Thôn NT, CL, ĐA) số tiền 1.770.000 đồng và lấy lại chiếc điện thoại Xiaomi note 8, màu xanh đã gửi anh N. L gặp và cho anh Hoàng Văn X, sinh năm: 1994, ở cùng thôn XN, vay 1.000.000 đồng. Sáng cùng ngày, L cũng trả nợ cho anh Tô Hoàng G, sinh năm: 1993, ở cùng thôn XN, số tiền 3.000.000 đồng.

Sáng ngày 31/7/2020, bà S ngủ dậy và phát hiện bị kẻ gian đột nhập trộm cắp tổng số tiền 23.380.000 đồng và 01 túi vải lưới màu đen. Sau đó bà S cùng ông K kiểm tra camera thì nhận ra đối tượng trộm cắp tiền của gia đình bà S là nam thanh niên thường đến quán chơi điện tử. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Hoàng Văn H đến quán nhà bà S chơi điện tử thì ông K cho H xem lại hình ảnh đối tượng trong camera. H nhận ra đối tượng là Lê Văn L bảo bà S không trình báo Công an, để H bảo L mang tiền trả lại, bà S đồng ý. Đến khoảng 10h30' cùng ngày, H gặp L tại đầu làng thôn Xuân Nộn và hỏi “thế tối qua mày lấy trộm tiền của bà S à”, L nói “cháu không lấy”, H nói tiếp “có camera ghi hình mày lấy trộm”. Thấy H nói vậy nên L thừa

nhận đã trộm cắp tiền của bà S. Sau đó L đưa cho H số tiền 7.300.000 đồng và nói là số tiền trộm cắp còn lại nhờ H cầm trả cho bà S. H hỏi “*sao tiêu nhanh thế*” thì L trả lời “*Cháu đi chuộc xe máy và trả nợ hết còn thế này thôi*”, H đồng ý và cầm tiền của L. Đến khoảng 11h00’ cùng ngày, H nảy sinh ý định sử dụng một phần số tiền do L trộm cắp mà có nên đến đưa cho bà S 5.000.000 đồng và nói “L trả từng này cho cô”. Số tiền còn lại là 2.300.000 đồng thì H giữ lại và tiêu sài cá nhân hết 1.300.000 đồng.

Đến ngày 25/8/2020, bà S không thấy L trả số tiền còn lại nên đã trình báo Công an huyện Đông Anh.

Vật chứng tạm giữ:

- Của bà Lê Thị S: 01(một) USB màu xanh bên trong lưu giữ hình ảnh Lê Văn L trộm cắp tài sản; 01(một) áo sơ mi cộc tay màu xanh đen vàng, họa tiết hoa, bên trong cổ áo có chữ “ZONGHENGMA” và số tiền 5.000.000 đồng.

- Của Lê Văn L: Số tiền 410.000 đồng (là số tiền L trộm cắp của bà S chưa kịp sử dụng) và 01(một) điện thoại Nokia 106 màu đen, gắn số thuê bao 0329687361.

- Của anh Trần Văn X: 01(một) điện thoại di động Xiaomi note 8, màu xanh, không gắn thẻ sim và số tiền 6.500.000 đồng.

- Của anh Hoàng Văn N: Số tiền 1.770.000 đồng.

- Của anh Tô Hoàng G: Số tiền 3.000.000 đồng.

- Của Hoàng Văn H: Số tiền 2.300.000 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng tiền vật chứng vụ án trộm cắp tài sản và 1.300.000 đồng tiền khắc phục hậu quả).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 369 ngày 04/9/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đông Anh, kết luận: 01 (một) chiếc túi vải lưới màu đen của bà Lê Thị S bị chiếm đoạt trị giá: **10.000 đồng**.

Như vậy tổng trị giá tài sản của bà Lê Thị S bị chiếm đoạt là: 23.390.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Lê Văn L và Hoàng Văn H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Về việc các anh Trần Văn X, Hoàng Văn N, Hoàng Văn T và anh Tô Hoàng G nhận tiền trả nợ và tiền L cho vay từ số tiền L phạm tội mà có. Kết quả điều tra xác định anh X, anh N, anh T và anh G không biết đó là tài sản do L trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý.

Đối với 01 chiếc túi vải lưới màu đen (bà S đựng tiền), L khai sau khi trộm cắp của bà S, đã vứt ở ven đường gần cổng nhà L. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với chiếc USB màu xanh, 01 chiếc áo sơ mi cộc tay màu xanh đen vàng và số tiền 5.000.000 đồng đã tạm giữ của bà S đều là tài sản của bà S nên ngày

03/9/2020, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng trả cho bà S các tài sản trên.

Đối với tổng số tiền 13.980.000 đồng, trong đó bao gồm: số tiền 410.000 đồng tạm giữ của L, số tiền 6.500.000 đồng tạm giữ của anh X, số tiền 1.770.000 đồng tạm giữ của anh Nhật, số tiền 3.000.000 đồng tạm giữ của anh G và số tiền 2.300.000 đồng tạm giữ của H đều là tiền L trộm cắp của bà S nên ngày 03/9/2020 Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng trả cho bà S số tiền trên.

Đối với chiếc điện thoại Nokia 106 màu đen, gắn số thuê bao 0329687361 tạm giữ của L, kết quả điều tra xác định là tài sản hợp pháp của L không liên quan đến vụ án. Ngày 03/9/2020, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng trả cho L.

Đối với chiếc điện thoại Xiaomi note 8, màu xanh, không gắn thẻ sim, tạm giữ của anh X, kết quả điều tra xác định: Đến ngày 31/7/2020, L sử dụng số tiền trộm cắp được đưa cho anh N để lấy lại chiếc điện thoại Xiaomi note 8 (trước đó L vay tiền anh N và để lại chiếc điện thoại làm tin). Sau đó do hết tiền, L tiếp tục gửi chiếc điện thoại trên cho anh X để vay 2.500.000 đồng của anh X. Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, đã chuyển Tòa án nhân dân huyện Đông Anh phục vụ công tác xét xử, đảm bảo thi hành án.

Về dân sự: Ngày 08/9/2020, L trả lại cho bà S số tiền 4.400.000 đồng còn thiếu trong tổng số tiền L trộm cắp của bà S. Sau khi nhận đủ số tiền bị L chiếm đoạt, bà S không yêu cầu gì về dân sự, đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho L. Đồng thời, L cũng đã trả bồi hoàn lại cho anh X số tiền 9.000.000 đồng và anh N số tiền 1.770.000 đồng. Anh Tô Hoàng G không yêu cầu L phải trả lại cho anh G số tiền 3.000.000 đồng mà anh G đã nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Tại bản Cáo trạng số 201A/CT-VKS-ĐA ngày 30/3/2021 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã truy tố: Bị cáo Lê Văn L về tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo Hoàng Văn H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi của mình như cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập được, với lời khai của nhau. Bị cáo H thừa nhận được L đưa số tiền 7.300.000 đồng nhờ trả hộ cho bà S và bị cáo H đã đồng ý nhưng sau khi cầm tiền bị cáo H đã tự ý giữ lại số tiền 2.300.000 đồng trong tổng số tiền L đưa để chi tiêu cá nhân, chỉ trả cho bà S 5.000.000 đồng. Việc bị cáo H giữ lại một phần số tiền bị cáo không nói cho ai biết cho đến khi cơ quan điều tra phát hiện, xử lý. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt:

Lê Văn L: Từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 175, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt:

Hoàng Văn H: Từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về phần dân sự: Bị hại xác định đã nhận bồi thường đủ về phần dân sự, không có yêu cầu gì thêm nên Tòa án không giải quyết. Đối với các trách nhiệm dân sự có liên quan, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết thêm về phần trách nhiệm dân sự nên Tòa án không phải giải quyết.

Về phần vật chứng: Trả lại bị cáo L: 01 điện thoại Xiaomi note 8.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đối với bị cáo Lê Văn L: Khoảng 23 giờ 50 phút ngày 30/7/2020, Lê Văn L đã có hành vi trộm cắp 23.380.000 đồng và 01 túi vải lưới màu đen trị giá: 10.000 đồng của bà Lê Thị S tại tổ x, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Tổng trị giá tài sản L chiếm đoạt là: 23.390.000 đồng, bị phát hiện xử lý. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, các tài liệu điều tra vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lê Văn L phạm tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Hoàng Văn H: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 31/7/2020 tại đầu làng thôn XN, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, H gặp L và L đã thừa nhận hành vi trộm cắp tiền của gia đình bà Lê Thị S tại tổ x thị trấn ĐA, huyện ĐA,

thành phố Hà Nội. L đưa cho H 7.300.000 đồng nhờ H đi bồi thường cho bà S hộ cho L và H đã nhận lời nên cầm số tiền nhưng sau đó H trả cho bà S 5.000.000 đồng và giữ lại 2.300.000 đồng để chi tiêu cá nhân cho đến khi bị phát hiện xử lý. Như vậy H đã có hành vi chiếm đoạt số tiền 2.300.000 đồng trong tổng số tiền 7.300.000 đồng do Lê Văn L trộm cắp của bà S mà có và đưa cho H để nhờ H đi trả lại cho bà S nhưng L giữ lại để chi tiêu không trả cho bà S. Số tiền mà H chiếm đoạt là 2.300.000 đồng nhưng bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, các tài liệu điều tra vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Hoàng Văn H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Bị cáo Hoàng Văn H có 01 tiền án theo bản án số 112/2019/HSST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/8/2019, chưa được xóa nhưng án tích này đã được tính để xác định bị cáo bị truy tố về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự nên không sử dụng để tính tái phạm đối với bị cáo. Bị cáo Lê Văn L không phải chịu các tình tiết tăng nặng. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi của mình và ăn năn, hối cải; đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo Điểm s và tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại theo Điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo L phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị hại là bà S có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo L nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa bị cáo H xuất trình tài liệu về liệt sĩ Lê Văn Q ở thôn XN, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội nhưng các tài liệu này là bản phô tô hơn nữa bị cáo không chứng minh được quan hệ giữa bị cáo với liệt sĩ Lê Văn Q nên không có căn cứ để xem xét tình tiết giảm nhẹ khác cho bị cáo H.

Bị cáo L dù trộm cắp lần đầu nhưng số tiền trộm cắp lớn, hành vi thủ đoạn tinh vi có tính toán; Bị cáo H dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng nhân thân có tiền án về cùng loại tội chiếm đoạt tài sản mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản cho thấy bị cáo không chịu tu dưỡng bản thân nên cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với mức độ hành vi và giảm nhẹ một phần cho các bị cáo, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về phần dân sự: Đối với các tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi và được trao trả cho bị hại, bị hại không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết. Về phần trách nhiệm dân sự có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, những người liên quan có lời khai xác nhận đã nhận đầy đủ hoặc không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra tạm giữ 01 điện thoại di động Xiaomi note 8 của bị cáo Lê Văn L để đảm bảo thi hành án nhưng nay bị cáo đã thực hiện việc bồi thường, các trách nhiệm dân sự có liên quan khác những người liên quan đã nhận lại hoặc không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết do vậy cần trả lại tài sản này cho bị cáo L vì tài sản này bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Lê Văn L 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 25/8/2020 đến ngày 03/9/2020.

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 175, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Hoàng Văn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về phần dân sự: Các bên đã tự giải quyết xong, không còn có yêu cầu gì khác nên Tòa án không giải quyết.

Về vật chứng: Trả lại bị cáo Lê Văn L 01 điện thoại di động Xiaomi note 8 (Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện Đông Anh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh ngày 13/11/2020).

Bị cáo Lê Văn L và Hoàng Văn H phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo về phần mình có liên quan./.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thanh

